

ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 06

<p>11. (M-Am) Did you have any trouble finding my office?</p> <p>(W-Br) (A) The maintenance department repaired it. (B) No, not at all. (C) I left it at home.</p>	<p>11. Bạn có gặp khó khăn gì khi tìm văn phòng của tôi không?</p> <p>(A) Bộ phận bảo trì đã sửa nó. (B) Không, không có gì cả. (C) Tôi đã để nó ở nhà.</p>
<p>12. (W-Am) What's the weather forecast for this weekend?</p> <p>(W-Am) (A) No, there were five of them. (B) They're predicting rain. (C) It's a week from now.</p>	<p>12. Dự báo thời tiết cho cuối tuần này như thế nào?</p> <p>(A) Không phải, có 5 người trong số họ. (B) Họ dự báo là có mưa. (C) Một tuần kể từ hôm nay.</p>
<p>13. (M-Br) Do you like the theater that just opened?</p> <p>(W-Am) (A) No, she lives far away. (B) I sold it last year. (C) Yes, I think it's wonderful.</p>	<p>13. Bạn có thích rạp hát vừa mới khai trương không?</p> <p>(A) Không, cô ấy sống xa nơi đây. (B) Tôi đã bán nó hồi năm ngoái. (C) Có, tôi nghĩ nó thật tuyệt vời.</p>
<p>14. (M-Am) Can I tell Ms. Jones who's calling?</p> <p>(M-Br) (A) My name is John Asato. (B) She can see you tomorrow. (C) No, I didn't call this morning.</p>	<p>14. Tôi sẽ nói với cô Jones là ai đang gọi đến?</p> <p>(A) Tên tôi là John Asato. (B) Cô ấy có thể gặp bạn vào ngày mai. (C) Không, sáng nay tôi không gọi.</p>
<p>15. (M-Am) What is the purpose of your visit to Singapore, sir?</p> <p>(M-Am) (A) Yes, five or six times. (B) At a hotel downtown. (C) I'm here for a convention.</p>	<p>15. Mục đích bạn đến Singapore là gì?</p> <p>(A) Đúng vậy, 5 hay 6 lần gì đó. (B) Tại một khách sạn ở khu trung tâm. (C) Tôi đến đây để tham dự một hội nghị.</p>
<p>16. (W-Br) How much is it going to cost?</p> <p>(M-Br) (A) Yes, it was. (B) Seventy five dollars. (C) By cash.</p>	<p>16. Nó sẽ có chi phí là bao nhiêu?</p> <p>(A) Đúng vậy. (B) 75 đô la. (C) Bằng tiền mặt.</p>

<p>17. (M-Am) Is Ms. Burns likely to come to the meeting?</p> <p>(W-Am) (A) Probably not. (B) Yes, I like it a lot. (C) We came here yesterday.</p>	<p>17. Có phải cô Burn sẽ đến tham dự cuộc họp không?</p> <p>(A) Có lẽ là không đâu. (B) Phải, tôi rất thích nó. (C) Hôm qua chúng tôi đã đến đây.</p>
<p>18. (W-Br) When can I get the results of my physical?</p> <p>(M-Am) (A) Twenty dollars, I think. (B) Within a week. (C) Yes, you can.</p>	<p>18. Khi nào thì tôi có thể lấy kết quả khám sức khỏe của mình?</p> <p>(A) 20 đô la, tôi nghĩ vậy. (B) Trong vòng 1 tuần. (C) Đúng vậy, bạn có thể.</p>
<p>19. (M-Br) Do you want to share a taxi to the airport?</p> <p>(W-Br) (A) Yes, the train is faster. (B) Thanks, that would be great. (C) To Japan at 3:00.</p>	<p>19. Bạn có muốn đi chung taxi đến sân bay không?</p> <p>(A) Có, chuyển tàu đó nhanh hơn. (B) Cảm ơn bạn, điều đó thật tuyệt. (C) Đến Nhật Bản lúc 3 giờ.</p>
<p>20. (W-Am) Can I pay by credit card or do I have to pay cash?</p> <p>(M-Am) (A) No, it's not on sale. (B) Yes, that's the right price. (C) Either is fine.</p>	<p>20. Tôi có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng hay là tôi phải thanh toán bằng tiền mặt?</p> <p>(A) Không, nó không được bán. (B) Phải, đó là một mức giá đúng đắn. (C) Cái nào cũng được.</p>
<p>21. (W-Br) I wonder who will be hired as assistant manager, don't you?</p> <p>(M-Br) (A) Sorry, he can't assist you right now. (B) I think Mr. Brown has a good chance. (C) No thanks, I can manage it.</p>	<p>21. Tôi thắc mắc là ai sẽ được tuyển vào vị trí trợ lý giám đốc.</p> <p>(A) Xin lỗi, anh ấy không thể hỗ trợ bạn vào lúc này. (B) Tôi nghĩ anh Brown có cơ hội tốt. (C) Không, cảm ơn, tôi có thể tự xoay sở.</p>
<p>22. (M-Am) Are there any tickets available for today's show?</p> <p>(W-Br) (A) Careful – it's very valuable. (B) Sorry, they're all sold out. (C) May I see your ticket, sir?</p>	<p>22. Còn vé cho buổi diễn hôm nay không?</p> <p>(A) Cảnh thận – Nó có giá lắm đấy. (B) Rất tiếc, chúng tôi đã bán hết sạch vé. (C) Tôi có thể xem vé của bạn không?</p>

<p>23. (M-Br) How far is the hotel from the train station?</p> <p>(W-Br) (A) About ten minutes ago. (B) The hotel is fairly small. (C) Only a few minutes away.</p>	<p>23. Khách sạn cách nhà ga tàu hoả bao xa?</p> <p>(A) Khoảng 10 phút trước. (B) Khách sạn thì khá là nhỏ. (C) Cách nhau chỉ vài phút đi chuyển.</p>
<p>24. (M-Am) Didn't you like the presentation?</p> <p>(W-Am) (A) It's a gift for my sister. (B) Yes, to the bus station. (C) No, it wasn't very helpful.</p>	<p>24. Bạn không thích bài thuyết trình sao?</p> <p>(A) Nó là một món quà dành cho em gái tôi. (B) Có chứ, đến trạm xe buýt. (C) Không, nó không bổ ích mấy.</p>
<p>25. (W-Br) Were there enough questionnaires for the workshop?</p> <p>(M-Am) (A) There were enough for everyone. (B) It was very informative. (C) I'll shop on the way home.</p>	<p>25. Có đủ bảng câu hỏi cho hội thảo không?</p> <p>(A) Đủ cho tất cả mọi người. (B) Nó không hữu ích lắm. (C) Tôi sẽ đi mua sắm trên đường về nhà.</p>
<p>26. (W-Am) Do you want to wait, or would you rather come back later?</p> <p>(M-Am) (A) I don't mind waiting. (B) Just one kilogram, please. (C) The one in the back, please.</p>	<p>26. Bạn có muốn đợi hay là bạn muốn quay lại sau?</p> <p>(A) Tôi không phiền khi đợi đâu. (B) Chỉ 1 kí thôi. (C) Cái ở đằng sau.</p>
<p>27. (M-Am) Do you know where I can get a cup of coffee?</p> <p>(W-Am) (A) A nice-looking couple. (B) Yes, thanks. I'd love some. (C) At the café on the corner.</p>	<p>27. Bạn có biết là tôi có thể lấy một cốc cà phê ở đâu không?</p> <p>(A) Một cặp đôi ưa nhìn. (B) Vâng, cảm ơn bạn. Tôi cũng muốn một ít. (C) Ở tiệm cà phê ở góc đường.</p>
<p>28. (W-Br) Do you feel like playing tennis after work?</p> <p>(M-Br) (A) No, I'm much too tired. (B) I already saw that play. (C) Only five of them.</p>	<p>28. Bạn có muốn chơi tennis sau giờ làm không?</p> <p>(A) Không, tôi quá mệt mỏi. (B) Tôi đã nhìn thấy vở kịch đó rồi. (C) Chỉ có 5 người trong số họ.</p>

<p>29.</p> <p>(M-Am) You're going to be free all morning, aren't you?</p> <p>(W-Am) (A) It costs five dollars. (B) Yes, to Los Angeles. (C) Yes, I will be.</p>	<p>29.</p> <p>Bạn sẽ rảnh rồi cả buổi sáng phải không?</p> <p>(A) Nó có giá 5 đô la. (B) Phải, đến Los Angeles. (C) Phải, tôi sẽ rảnh.</p>
<p>30.</p> <p>(M-Br) Could you recommend any good restaurants in the area?</p> <p>(M-Am) (A) They were standing over there. (B) There are several, in fact. (C) I recommend Helen for the restaurant job.</p>	<p>30.</p> <p>Bạn có thể giới thiệu nhà hàng nào ngon ở khu vực này không?</p> <p>(A) Họ đã đứng ở đó. (B) Thật sự có một vài cái. (C) Tôi giới thiệu Helen cho công việc tại nhà hàng.</p>
<p>31.</p> <p>(W-Br) Couldn't we just call the information line?</p> <p>(M-Br) (A) Why don't we do that? (B) The line starts over there. (C) A lot of information.</p>	<p>31.</p> <p>Chúng ta chỉ cần liên hệ đường dây thông tin phải không?</p> <p>(A) Tại sao chúng ta lại không làm chứ? (B) Hàng người bắt đầu ở đó. (C) Có nhiều thông tin.</p>
<p>32.</p> <p>(M-Am) That construction work outside is making so much noise.</p> <p>(M-Br) (A) Maybe we should close the windows. (B) No, the project is still under construction. (C) Yes, he knows a lot about the job.</p>	<p>32.</p> <p>Việc xây dựng bên ngoài đang gây ra quá nhiều tiếng ồn.</p> <p>(A) Có lẽ chúng ta nên đóng các cửa sổ lại. (B) Không phải, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng. (C) Đúng vậy, anh ấy biết nhiều về công việc đó.</p>
<p>33.</p> <p>(M-Br) Don't you need to order refreshments for the party?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, the fresh air feels good. (B) It was a lovely party. (C) No, Hans is taking care of it.</p>	<p>33.</p> <p>Bạn có cần đặt đồ ăn nhẹ cho bữa tiệc không?</p> <p>(A) Có, không khí trong lành thì tốt. (B) Nó là một bữa tiệc thú vị. (C) Không, Hans đang thực hiện việc đó.</p>
<p>34.</p> <p>(W-Am) Why don't you take a few days off and get some rest?</p> <p>(W-Am) (A) I went to the beach. (B) No, now's not a good time. (C) The others are cheaper.</p>	<p>34.</p> <p>Tại sao bạn không xin nghỉ việc vài ngày và dành thời gian nghỉ ngơi?</p> <p>(A) Tôi đã đi biển. (B) Không, bây giờ không phải lúc. (C) Những cái khác thì rẻ hơn.</p>

<p>35. (W-Am) You don't need to use the copier now, do you?</p> <p>(M-Am) (A) Yes, this is good coffee. (B) I already have some, thanks. (C) No, I just finished with it.</p>	<p>35. Bạn không cần dùng máy photo vào lúc này phải không?</p> <p>(A) Phải, cà phê này thì ngon. (B) Tôi đã có vài cái rồi, cảm ơn bạn. (C) Không cần, tôi đã dùng nó xong rồi.</p>
<p>36. (M-Am) Did Mr. Davis ask why the shipment of laboratory supplies was late?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, and I explained the problem. (B) Just some cleaning materials. (C) Check in the storage cabinet.</p>	<p>36. Ông Davis có hỏi tại sao việc giao hàng các đồ dùng phòng thí nghiệm lại trễ không?</p> <p>(A) Có, và tôi đã giải thích vấn đề. (B) Chỉ là một vài nguyên liệu vệ sinh. (C) Hãy kiểm tra trong tủ lưu trữ.</p>
<p>37. (W-Br) Would you rather lead the research project team, or work independently?</p> <p>(M-Am) (A) At the research library. (B) I'll lead the group this time. (C) He's quite independent.</p>	<p>37. Bạn có muốn dẫn dắt nhóm dự án nghiên cứu không, hay là làm việc độc lập?</p> <p>(A) Tại thư viện nghiên cứu. (B) Lần này tôi sẽ dẫn dắt nhóm. (C) Anh ấy khá là tự lập.</p>
<p>38. (W-Am) There's some mail for you.</p> <p>(M-Am) (A) Could you please? (B) Who's it from? (C) They're busy.</p>	<p>38. Có vài mail cho bạn đấy.</p> <p>(A) Bạn có thể vui lòng không? (B) Từ ai gửi đến vậy? (C) Họ bận.</p>
<p>39. (M-Am) Who's the person in charge of payroll?</p> <p>(W-Am) (A) We only take cash. (B) That would be Mona Li. (C) Payments are due today.</p>	<p>39. Ai là người quản lý bảng lương?</p> <p>(A) Chúng tôi chỉ nhận tiền mặt. (B) Có thể là Mona Li. (C) Việc thanh toán hôm nay là đến hạn.</p>
<p>40. (W-Am) Don't you want to bring a book to read?</p> <p>(M-Am) (A) No, I don't think so. (B) Yes, I've read it. (C) We're already booked.</p>	<p>40. Bạn có muốn mang theo một cuốn sách để đọc không?</p> <p>(A) Không, tôi không nghĩ vậy. (B) Có, tôi đã đọc nó. (C) Chúng tôi đã đặt chỗ hết rồi.</p>